

【20】^{ふりかえきゅうぎょうび}振替休業日

^{がっこう}学校の^{じゅぎょう}授業は、^{ふつう}普通は^{げつようび}月曜日から^{きんようび}金曜日まであります。

でも、^{どようび}土曜日や^{にちようび}日曜日に^{うんどうかい}運動会や^{じゅぎょうさんかん}授業参観をするときがあります。

その時は^{とき}子どもは^こ学校に行かなければなりません。

そのかわりに^{ふつう}普通の^ひ日を^{やす}休みにします。これを^{ふりかえきゅうぎょうび}振替休業日といいます。

① Makeup Holidays(Substitutue holidays)

Classes are usually given from Monday to Friday at school. However, school events such as sports day and class observation day are held on Saturdays and Sundays. As children have to go to school to participate in such events on the weekend, alternative holidays are scheduled during weekdays. They are called make-up holidays.

② 调休日

学校的课程通常是星期一至星期五。

但是，有时会在星期六或星期日举行运动会或参观教学。那一天孩子们必须去学校。作为代替，工作日会调整为休息。这称为调休。

③ 調休日

學校的課程通常是星期一至星期五。

但是，有時會在星期六或星期日舉行運動會或參觀教學。那一天兒童們必須去學校。因此，工作日會調整為休息。這稱為調休。

④ Ngày nghỉ bù

Ngày đi học ở trường là từ thứ 2 đến thứ 6. Nhưng vào thứ 7 hay Chủ nhật hay có ngày hội thể thao hoặc ngày phụ huynh tham quan lớp học. Lúc đó học sinh vẫn phải đến trường. Thay vào đó, học sinh sẽ được nghỉ bù vào ngày thường. Đây chính là quy định về ngày nghỉ bù.

⑤ सट्टा बिदा

सामान्यतया स्कुलमा सोमबार देखि शुक्रबार सम्म पढाउने गरिन्छ। तर शनिबार अथवा आइतबार हरूमा खेलकुद कार्यक्रम अथवा अभिभावकहरूले बच्चाहरूको कक्षा अवलोकन गर्ने गरिन्छ। त्यस्तो बेला बच्चा र अभिभावक अनिवार्य स्कुलमा उपस्थित हुनुपर्छ। त्यसको सट्टामा कार्यालय दिनहरूमा बिदा दिने गरिन्छ। त्यसलाई सट्टा बिदा भनिन्छ।

⑥ Hari libur pengganti

Hari sekolah adalah hari Senin sampai Jumat. Namun, ada kalanya sekolah mengadakan hari olahraga atau kunjungan kelas pada hari Sabtu dan Minggu. Anak-anak harus pergi ke sekolah. Kemudian hari libur akan di gantikan pada hari biasa (hari sekolah).